

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý và chia sẻ sử dụng
Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1361/TTr-STTTT ngày 17/12/2020, Công văn số 481/STTTT-CNTT ngày 05/3/2021, kết quả lấy ý kiến Ủy viên UBND thành phố bằng Phiếu theo Công văn số 211/VP-KT ngày 21/01/2021 của Văn phòng UBND thành phố và ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 174/STP-XDKTVB ngày 17/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý và chia sẻ sử dụng Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- TT TU, TT HĐND TP (báo cáo);
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, STTTT.

15/4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Nam



QUY CHẾ

Phối hợp quản lý và chia sẻ sử dụng Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 955 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc phối hợp quản lý và chia sẻ sử dụng Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ hành chính công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước thành phố và cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trên trong quản lý và chia sẻ sử dụng Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp.

2. Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi là Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp Đà Nẵng) được xây dựng nhằm mục đích thu thập và chia sẻ các thông tin sau:

a) Thông tin đăng ký doanh nghiệp: Tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ, điều lệ công ty; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập, người đại diện theo ủy quyền; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp: Đang hoạt động, bị khóa, tạm ngừng, chấm dứt hoạt động (đối với đơn vị trực thuộc), đã giải thể để phù hợp với Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Đồng thời, bổ sung các thông tin vi phạm của doanh nghiệp (vi phạm các điều kiện kinh

doanh theo quy định của luật chuyên ngành, vi phạm thuế, bảo hiểm xã hội...), các doanh nghiệp được khen thưởng, kinh doanh hiệu quả, có đóng góp cho xã hội.

c) Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, các giấy phép, giấy chứng nhận chuyên ngành, được thành phố hỗ trợ kinh phí từ các chính sách, chương trình, đề án của thành phố.

d) Thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật: Kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế, về trốn đóng, chậm đóng lĩnh vực BHXH, BHYT, BHTN và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 4. Giá trị của dữ liệu doanh nghiệp Đà Nẵng

Dữ liệu thuộc tính tại Phụ lục I và Phụ lục II được chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp Đà Nẵng có giá trị tương đương bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 5. Nguyên tắc chung

1. Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp Đà Nẵng là cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất toàn thành phố về doanh nghiệp.

2. Dữ liệu doanh nghiệp trong cơ sở dữ liệu của cơ quan chuyên ngành phải được thiết kế bảo đảm có tối thiểu các thuộc tính dữ liệu dùng chung được quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Quy chế này, tạo thuận lợi khi đồng bộ hai chiều với Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng thông qua Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu thành phố Đà Nẵng.

3. Các cơ quan nhà nước không được yêu cầu doanh nghiệp, cá nhân cung cấp lại số liệu mà cơ quan mình đã thu thập trước đây hoặc được cơ quan khác thu thập và sẵn sàng chia sẻ lên Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp Đà Nẵng. Trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu phục vụ cập nhật hoặc sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra dữ liệu.

4. Nguyên tắc về xử lý, chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp

a) Việc xử lý dữ liệu phải hợp pháp và minh bạch.

b) Mục đích sử dụng dữ liệu phải được thể hiện rõ ràng cho cơ quan chủ quản dữ liệu.

c) Chỉ thu thập và xử lý dữ liệu khi thực sự cần thiết cho các mục đích đã xác định.

d) Phải bảo đảm dữ liệu là chính xác và rõ ràng thời điểm cập nhật.

đ) Chỉ lưu trữ dữ liệu trong thời gian cần thiết cho mục đích đã xác định.

e) Việc xử lý dữ liệu phải được thực hiện trên cơ sở đảm bảo tính toàn vẹn và bảo mật.

Điều 6. Những hành vi không được làm

1. Cản trở, ngăn chặn trái phép quá trình truyền, gửi, nhận thông tin hoặc thay đổi, xóa, hủy, giả mạo, phá hoại, truy cập trái phép vào Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp Đà Nẵng với bất cứ hình thức nào, nếu vi phạm tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp Đà Nẵng vào các mục đích trái pháp luật; kinh doanh thông tin về đăng ký doanh nghiệp mà chưa có sự chấp thuận của cơ quan cung cấp thông tin; cố ý làm sai lệch nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp, chuyển nhượng thông tin đăng ký doanh nghiệp bất hợp pháp, sai đối tượng.

Chương II QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP

Điều 7. Thu thập, cập nhật dữ liệu doanh nghiệp

1. Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp Đà Nẵng được thu thập từ các nguồn:

a) Dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Phụ lục I được chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

b) Dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh theo Phụ lục II được chia sẻ từ Hệ thống thông tin chính quyền điện tử thành phố Đà Nẵng.

c) Các dữ liệu thuộc tính khác của doanh nghiệp được hình thành trong quá trình quản lý doanh nghiệp của các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, phát sinh trên Phần mềm Cơ sở dữ liệu và Quản lý nhà nước chuyên ngành hoặc trên Hệ thống thông tin Chính quyền điện tử trong quá trình xử lý thủ tục hành chính.

2. Việc xây dựng, tạo lập dữ liệu doanh nghiệp trong Phần mềm cơ sở dữ liệu và quản lý nhà nước chuyên ngành hoặc phần mềm khác của các cơ quan nhà nước phải sử dụng thống nhất các thuộc tính dữ liệu dùng chung sau đây:

a) Mã số doanh nghiệp.

b) Tên doanh nghiệp.

c) Địa chỉ trụ sở chính.

d) Ngành nghề kinh doanh.

đ) Thông tin về người đại diện theo pháp luật.

Điều 8. Kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu

1. Dữ liệu về doanh nghiệp phải được Chủ quản cơ sở dữ liệu kiểm tra, đánh giá, duy trì định kỳ hàng năm.

2. Nội dung kiểm tra, đánh giá dữ liệu:

a) Đánh giá về nội dung, chất lượng dữ liệu như số lượng dữ liệu, độ chính xác dữ liệu, độ toàn vẹn của dữ liệu, dữ liệu bất thường.

b) Đánh giá về duy trì, vận hành, cập nhật dữ liệu, nhật ký cập nhật, khai thác của dữ liệu.

c) Đánh giá tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về dữ liệu.

d) Đánh giá về chia sẻ dữ liệu, đối tượng sử dụng, mục đích chia sẻ phù hợp với các quy định, quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ.

đ) Các nội dung khác theo sự hướng dẫn của các cơ quan quản lý chuyên ngành về công nghệ thông tin phù hợp với từng thời điểm, giai đoạn cụ thể.

3. Kết quả đánh giá phải lập thành văn bản, đồng thời đề xuất các hoạt động cần thiết để duy trì dữ liệu (nếu có).

4. Chủ quản cơ sở dữ liệu có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ dữ liệu và gửi báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 31 tháng 12 hàng năm theo mẫu tại Phụ lục III của Quy chế này.

5. Chủ quản cơ sở dữ liệu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để duy trì, phát triển dữ liệu theo kết quả kiểm tra, đánh giá dữ liệu.

Điều 9. Vận hành và bảo trì hệ thống

1. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện bảo trì thường xuyên, đảm bảo Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp Đà Nẵng hoạt động liên tục, ổn định và an toàn:

a) Bảo đảm điều kiện môi trường an toàn, sạch sẽ; bảo đảm hoạt động của hệ thống máy chủ, máy trạm, chương trình diệt vi rút, các dịch vụ (cập nhật các bản vá, bản sửa lỗi, dung lượng ổ cứng, hiệu năng sử dụng...).

b) Kiểm tra công tác sao lưu, lưu trữ, phục hồi dữ liệu.

c) Bảo đảm an toàn an ninh thông tin.

2. Các vấn đề phát hiện sau khi kiểm tra phải được tổng hợp, đánh giá phân tích mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng và lập kế hoạch khắc phục xử lý.

Chương III

CHIA SẺ SỬ DỤNG DỮ LIỆU DOANH NGHIỆP

Điều 10. Dịch vụ chia sẻ dữ liệu

1. Việc kết nối, cung cấp, khai thác dữ liệu doanh nghiệp giữa các hệ thống thông tin phải được thực hiện thông qua Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu thành phố Đà Nẵng.

2. Cơ quan chủ quản dữ liệu có trách nhiệm thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập dữ liệu doanh nghiệp thuộc phạm vi dữ liệu do mình quản lý.

3. Nội dung thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu bao gồm:

a) Danh sách dịch vụ chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp và thông số, tài liệu kỹ thuật cần thiết kèm theo.

b) Cấu trúc dữ liệu trao đổi của dữ liệu doanh nghiệp được chia sẻ tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

c) Các thông tin cần thiết khác về dịch vụ chia sẻ dữ liệu mà cơ quan cung cấp dịch vụ dữ liệu cần cung cấp cho cơ quan khai thác để tạo thuận lợi cho việc tiếp cận, kết nối và sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp.

Điều 11. Nội dung đề nghị chia sẻ dữ liệu

1. Nội dung dữ liệu cần được chia sẻ giữa các cơ quan.

2. Phương thức, cách thức chia sẻ dữ liệu.

3. Các điều kiện, giới hạn trong việc chia sẻ và sử dụng dữ liệu chia sẻ.

4. Thời hạn kết nối, sử dụng dữ liệu.

5. Sự cam kết giữa các cơ quan tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu, tuân thủ nội dung thống nhất chia sẻ dữ liệu.

6. Các biện pháp bảo mật và xác thực áp dụng cho việc truyền, lưu trữ, truy cập dữ liệu.

Nội dung đề nghị chia sẻ dữ liệu thực hiện theo mẫu tại Phụ lục IV đính kèm của Quy chế này.

Điều 12. Tạm ngừng kết nối, cung cấp dữ liệu trên môi trường mạng

1. Cơ quan cung cấp dữ liệu tạm ngừng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu cho tất cả các cơ quan khai thác trong trường hợp sau:

a) Nâng cấp, mở rộng, bảo trì hệ thống thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin.

b) Trường hợp bất khả kháng làm gián đoạn cung cấp dịch vụ, kết nối hoặc có ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống thông tin, sự an toàn dữ liệu.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu tạm ngừng cung cấp dữ liệu cho một hoặc một số cơ quan khai thác trong những trường hợp sau:

a) Cơ quan khai thác vi phạm quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu.

b) Kết nối dữ liệu được xác định có khả năng làm mất an toàn, an ninh.

3. Trong trường hợp tạm ngừng kết nối, cung cấp dịch vụ theo điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan cung cấp phải thông báo ít nhất 07 ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu, đồng thời thông báo khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin. Thời gian thực hiện nâng cấp, mở rộng, bảo trì hệ thống phải thực hiện trong thời gian ngắn nhất và hạn chế thấp nhất rủi ro cho cơ quan khai thác, sử dụng dữ liệu do việc gián đoạn, tạm ngừng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu gây ra.

4. Trong trường hợp bất khả kháng phải tạm ngừng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu theo điểm b khoản 1 Điều này, cơ quan cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu phải thông báo trong vòng 04 giờ từ lúc tạm ngừng cung cấp dịch vụ và tiến hành nhanh chóng các biện pháp khắc phục sự cố.

5. Trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan cung cấp dữ liệu thông báo cho cơ quan khai thác dữ liệu trong thời gian chậm nhất 01 ngày kể từ thời điểm xác định vi phạm những nội dung sau:

- a) Nội dung vi phạm quy chế, phương án xử lý vi phạm;
- b) Những yêu cầu cần thiết cần thực hiện để duy trì hoặc khôi phục kết nối.

Điều 13. Chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu qua môi trường mạng

1. Cơ quan cung cấp có quyền chấm dứt việc kết nối, chia sẻ dữ liệu qua môi trường mạng cho cơ quan khai thác dữ liệu trong các trường hợp sau:

- a) Mục đích sử dụng dữ liệu của cơ quan khai thác dữ liệu không còn phù hợp với mục đích tại thời điểm đăng ký ban đầu.
- b) Việc kết nối không thể khôi phục do sự cố hoặc do điều kiện khách quan mà cơ quan cung cấp dữ liệu không thể tiếp tục duy trì các dịch vụ chia sẻ dữ liệu.
- c) Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phù hợp với các quy định của pháp luật.
- d) Cơ quan khai thác dữ liệu không có nhu cầu tiếp tục kết nối và khai thác dữ liệu hoặc nội dung đề nghị chia sẻ dữ liệu hết hiệu lực.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm thông báo kết quả chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan khai thác dữ liệu và các cơ quan có liên quan.

Điều 14. Khai thác, sử dụng dữ liệu doanh nghiệp

1. Các cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng dữ liệu qua kết nối, chia sẻ dữ liệu tự động được quy định tại Điều 10, 11, 12, 13 của Quy chế này.

2. Các thông tin cơ bản của doanh nghiệp Đà Nẵng bao gồm: Tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, tình trạng của doanh nghiệp được công khai trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Đà Nẵng (địa chỉ dkkd.dpi.danang.gov.vn).

Điều 15. Sử dụng dữ liệu doanh nghiệp Đà Nẵng trong cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công

Cơ quan, tổ chức không được yêu cầu doanh nghiệp, công dân cung cấp các giấy tờ là bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu thông tin của doanh nghiệp đã có trong Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng.

Điều 16. Bảo đảm an toàn trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và các quy định sau:

1. Cơ quan quản lý hệ thống thông tin tham gia vào quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của mình.

2. Cơ quan khai thác dữ liệu doanh nghiệp có trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ theo quy định của cơ quan cung cấp dữ liệu và các quy định của pháp luật.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 17. Quyền và trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước thành phố và cán bộ, công chức, viên chức thành phố

1. Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện xây dựng, chuẩn hoá, cập nhập, bổ sung cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao; xây dựng phương án, công cụ kết nối, chia sẻ thông tin doanh nghiệp với Sở Thông tin và Truyền thông để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình và của thành phố.

2. Các cơ quan hành chính nhà nước thành phố và cán bộ, công chức, viên chức thành phố có quyền sau:

a) Từ chối đề nghị chia sẻ dữ liệu nếu đề nghị cung cấp dữ liệu không phù hợp với quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan.

b) Yêu cầu cơ quan sử dụng dữ liệu thông báo tình hình sử dụng dữ liệu đã chia sẻ trong trường hợp có dấu hiệu việc sử dụng dữ liệu không phù hợp với quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu, quy định của pháp luật.

c) Tạm dừng hoặc chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Quy chế này.

3. Các cơ quan hành chính nhà nước thành phố cung cấp dữ liệu có trách nhiệm sau:

- a) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin để sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu.
- b) Xây dựng và hoàn thiện các tài liệu hướng dẫn chia sẻ dữ liệu.
- c) Bảo đảm chất lượng dữ liệu, tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu do mình cung cấp. Cập nhật, thông báo kịp thời cho cơ quan sử dụng dữ liệu khi có sự thay đổi hoặc có sai sót đối với dữ liệu cung cấp.
- d) Rà soát, đánh giá cơ sở hạ tầng thông tin, bảo đảm điều kiện cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ cung cấp, chia sẻ dữ liệu; đánh giá các vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ trong việc chia sẻ dữ liệu; báo cáo cấp có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước về chia sẻ dữ liệu.
- đ) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền tình hình cung cấp và trao đổi dữ liệu khi có yêu cầu.

Điều 18. Quyền và trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước thành phố và cán bộ, công chức, viên chức thành phố sử dụng dữ liệu

1. Các cơ quan hành chính nhà nước thành phố và cán bộ, công chức, viên chức thành phố sử dụng dữ liệu có quyền sau:

- a) Sử dụng dữ liệu theo mục đích phù hợp.
- b) Được hướng dẫn về việc khai thác, tương tác với Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng.

2. Các cơ quan hành chính nhà nước thành phố và cán bộ, công chức, viên chức thành phố sử dụng dữ liệu có trách nhiệm sau:

- a) Tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định của cấp có thẩm quyền về kết nối, chia sẻ dữ liệu.
- b) Trừ các thông tin: Tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, tình trạng của doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân không được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu khác của doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cung cấp.
- c) Bảo mật tài khoản kết nối được cung cấp, không để lộ hoặc cung cấp tài khoản của cơ quan cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

- 1. Kết nối Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.
- 2. Quản lý, vận hành và phát triển Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thu thập, kết nối, công bố danh sách các cơ quan cung cấp dữ liệu, danh mục dữ liệu được cung cấp làm cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng.

4. Hằng tuần, thực hiện sao lưu dự phòng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp Đà Nẵng.

5. Triển khai các giải pháp, tiện ích, thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp, hỗ trợ, phục vụ công tác quản lý nhà nước của các cơ quan trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Tạo lập, cập nhật dữ liệu đầy đủ, chính xác thông tin doanh nghiệp trên Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Chủ trì triển khai Khoản 3 Điều 15 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về việc phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Quản lý, vận hành và phát triển Cổng thông tin doanh nghiệp Đà Nẵng.

Điều 21. Trách nhiệm của UBND các quận, huyện

1. Tạo lập, cập nhật dữ liệu đầy đủ, chính xác thông tin Hộ kinh doanh cá thể trên phần mềm Đăng ký hộ kinh doanh của Hệ thống thông tin chính quyền điện tử thành phố Đà Nẵng.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan Thuế và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai việc chuẩn hóa dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh và đăng ký thuế.

Điều 22. Trách nhiệm của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng

1. Công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn thành phố có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Tổng Cục Thuế.

2. Định kỳ hàng tháng, Cục Thuế có trách nhiệm cung cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông về danh sách doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng.

Điều 23. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng

1. Công khai danh sách các đơn vị sử dụng lao động do Bảo hiểm xã hội thành phố quản lý có hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

2. Định kỳ hàng tháng, Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm cung cấp danh sách doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho Sở Thông tin và Truyền thông để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tổ chức triển khai hướng dẫn thực hiện Quy chế này trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước UBND thành phố về việc tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này trong phạm vi quản lý của mình; sử dụng Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp Đà Nẵng để đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thành phần hồ sơ là bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, cá nhân phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, điều chỉnh./.

Phụ lục I
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CHIA SẼ TỪ
CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 455./QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1	Tên doanh nghiệp	14	Email
2	Mã số doanh nghiệp	15	Website
3	Ngày cấp	16	Chủ sở hữu
4	Ngày đăng ký thay đổi	17	Đại diện pháp luật (ĐDPL)
5	Trạng thái hoạt động trên Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia	18	Ngày sinh ĐDPL
6	Vốn điều lệ (VNĐ)	19	Số GTPL ĐDPL (giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật)
7	Nguồn vốn	20	Ngày cấp GTPL ĐDPL
8	Tỷ lệ (%)	21	Nơi cấp GTPL ĐDPL
9	Vốn góp (VNĐ)	22	Thành viên góp vốn
10	Địa chỉ trụ sở	23	Cổ đông sáng lập
11	Quận/Huyện	24	Loại hình doanh nghiệp
12	Phường/Xã	25	Loại doanh nghiệp
13	Số điện thoại	26	Ngành nghề kinh doanh

Phụ lục II
THÔNG TIN HỘ KINH DOANH CÁ THỂ ĐƯỢC CHIA SẺ TỪ
HỆ THỐNG THÔNG TIN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 955./QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

1	Tên hộ kinh doanh	12	Phường/Xã
2	Mã số	13	Số điện thoại
3	Ngày cấp	14	Email
4	Ngày đăng ký thay đổi	15	Website
5	Trạng thái	16	Họ tên cá nhân hoặc đại diện hộ gia đình
6	Vốn điều lệ (VNĐ)	17	Ngày sinh
7	Nguồn vốn	18	Số CMND
8	Tỷ lệ (%)	19	Ngày cấp CMND
9	Với vốn góp (VNĐ)	20	Nơi cấp CMND
10	Địa điểm kinh doanh	21	Danh sách cá nhân góp vốn
11	Quận/Huyện	22	Ngành nghề kinh doanh

Phụ lục III
MẪU BÁO CÁO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 955./QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

**Tình hình khai thác, chia sẻ, sử dụng và cập nhật dữ liệu doanh nghiệp
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông

1. Hiện trạng dữ liệu được chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng

a) Mục đích sử dụng:

b) Danh mục các thông tin, trường dữ liệu đang được chia sẻ:

- Mã số doanh nghiệp.

- Tên doanh nghiệp.

- ...

c) Hình thức chia sẻ:

☐ API

☐ File Excel, CSV

☐ Khác:

d) Tần suất chia sẻ:

☐ Hằng ngày

☐ Hằng tuần

☐ Hằng tháng

☐ Hằng quý

☐ Khác:

đ) Thời hạn chia sẻ dữ liệu: Đến tháng năm

e) Các lỗi, sự bất thường trong quá trình khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng

- Trường hợp phát hiện dữ liệu được chia sẻ có sự bất thường, cần kiểm tra lại:

STT	Tên trường dữ liệu	Nội dung dữ liệu	Thời gian
1	Mã số doanh nghiệp		
...	...		

- Các trường hợp khác:

2. Dữ liệu doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của đơn vị

a) Các thông tin, trường dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp đang được quản lý:

STT	Tên trường dữ liệu	Tần suất cập nhật dữ liệu	Ghi chú
1	Mã số doanh nghiệp	☐ Hằng ngày ☐ Hằng tuần ☐ Hằng tháng ☐ Hằng quý ☐ Khác:	
2	Tên doanh nghiệp.	☐ Hằng ngày ☐ Hằng tuần ☐ Hằng tháng ☐ Hằng quý ☐ Khác:	
...	...		
n	Giấy Chứng nhận/ Cấp phép ...	☐ Hằng ngày ☐ Hằng tuần ☐ Hằng tháng ☐ Hằng quý ☐ Khác:	Bổ sung, xây dựng mới trong năm báo cáo
...			

b) Hình thức thu thập dữ liệu

☐ Tổng hợp từ hồ sơ Một cửa

☐ Điều tra, khảo sát

☐ Kết quả giải quyết thủ tục hành chính

☐ Khác

c) Số lượng dữ liệu doanh nghiệp quản lý

- Thời điểm báo cáo năm liền trước : doanh nghiệp

- Thời điểm hiện nay : doanh nghiệp

d) Kết nối – chia sẻ dữ liệu

- Đang nhận dữ liệu doanh nghiệp từ các cơ quan:

- Đang chia sẻ dữ liệu doanh nghiệp cho các cơ quan:

3. Kiến nghị, đề xuất

.....

Đà Nẵng, ngày tháng năm

Lãnh đạo cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV

MẪU PHIẾU ĐỀ NGHỊ CHIA SẺ DỮ LIỆU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 955 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**PHIẾU ĐỀ NGHỊ CHIA SẺ DỮ LIỆU**

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông

1. Nội dung yêu cầu: Thực hiện kết nối, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin chi tiết về việc tiếp nhận, sử dụng dữ liệu doanh nghiệp:

a) Mục đích sử dụng:

b) Phạm vi dữ liệu đề nghị chia sẻ:

- Các trường dữ liệu

+ Mã số doanh nghiệp.

+ Tên doanh nghiệp.

+ Địa chỉ trụ sở chính.

+ Ngành nghề kinh doanh.

+ Thông tin về người đại diện theo pháp luật.

+ Số lượng lao động

+ Khen thưởng

+ Xử phạt vi phạm

+ ...

- Mã ngành nghề kinh doanh (theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):...

c) Hình thức chia sẻ:

☐ API

☐ File Excel, CSV

☐ Khác:

d) Tần suất chia sẻ:

☐ Hằng ngày

☐ Hằng tuần

☐ Hằng tháng

☐ Hằng quý

đ) Thời hạn chia sẻ dữ liệu: ☐ tháng

..... ☐ năm

3. Thông tin về cơ sở dữ liệu chuyên ngành về doanh nghiệp của cơ quan đang xây dựng, phát triển:

a) Tên lĩnh vực, nghiệp vụ:

b) Đã xây dựng thuộc tính dữ liệu dùng chung về dữ liệu doanh nghiệp, gồm:

- | | | |
|---|-----------------------------|--------------------------------|
| - Mã số doanh nghiệp. | ☐ Có | ☐ Không |
| - Tên doanh nghiệp. | ☐ Có | ☐ Không |
| - Địa chỉ trụ sở chính. | ☐ Có | ☐ Không |
| - Ngành nghề kinh doanh. | ☐ Có | ☐ Không |
| - Thông tin về người đại diện theo pháp luật. | ☐ Có | ☐ Không |

Các thông tin, trường dữ liệu đã hoặc đang xây dựng, phát triển liên quan đến doanh nghiệp:

- Số lượng lao động; trình độ nguồn nhân lực; danh sách sản phẩm, dịch vụ doanh nghiệp đang sản xuất, cung cấp ...

- ...

c) Hệ thống quản lý Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp đang được quản lý bằng:

- ☐ File Excel ☐ Phần mềm, lưu ký tại:
- ☐ Khác

d) Hệ thống có được tường lửa bảo vệ:

- ☐ Không ☐ Có (Tên thiết bị, giải pháp:.....)

4. Đầu mối liên lạc

a) Họ và Tên:

b) Điện thoại: Email:

5. Cam kết

a) Tuân thủ các quy định tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về ban hành Quy chế quản lý và chia sẻ sử dụng Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các quy định của cấp có thẩm quyền về kết nối, chia sẻ dữ liệu.

b) Không cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu được cung cấp, chia sẻ.

c) Bảo mật tài khoản kết nối được cung cấp, không để lộ hoặc cung cấp tài khoản của cơ quan cho tổ chức, cá nhân khác.

d) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin khi kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ theo quy định của cơ quan cung cấp dữ liệu và các quy định của pháp luật.

Đà Nẵng, ngày tháng năm

Lãnh đạo cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)